CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên xuất khẩu sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế

Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

2. Thông tư số 48/2025/TT-BCT ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế, ký ngày 25 tháng 12 năm 2008 tại Tô-ky-ô, Nhật Bản;

Bộ Công Thương quy định việc xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên xuất khẩu sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này điều chỉnh việc xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên (mã HS 0409.00.00) xuất khẩu sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với thương nhân xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Cơ quan xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan[2]

Cơ quan xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan theo yêu cầu của người xuất khẩu là cơ quan cấp phép nơi thương nhân xuất khẩu đặt trụ sở chính.

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương."

Thông tư số 48/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 187/ 2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế, ký ngày 25 tháng 12 năm 2008 tại Tô-ky-ô, Nhật Bản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế."

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 4. Nội dung Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan[3]

1. Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan được in bằng giấy trắng, khổ A4, bằng tiếng Anh và bao gồm những thông tin tối thiểu sau:

a) Số tham chiếu;

b) Tên và địa chỉ của người xuất khẩu;

c) Tên và địa chỉ của người nhập khẩu;

d) Mô tả hàng hóa;

đ) Mã HS;

e) Số lượng (có ghi cụ thể đơn vị đo lường);

g) Hiệu lực Giấy chứng nhận Hạn ngạch thuế quan (ngày có hiệu lực/ngày hết hạn hiệu lực);

h) Xác nhận của cơ quan cấp phép nơi thương nhân xuất khẩu đặt trụ sở chính.

2. Mẫu Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan được quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan

Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan có hiệu lực kể từ ngày xác nhận đến ngày 31 tháng 3 tiếp theo.

Điều 6. Nguyên tắc xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan[4]

1. Thương nhân có nhu cầu được hưởng thuế ưu đãi VJEPA của Nhật Bản dành cho Việt Nam trong hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế phải nộp hồ sơ tại cơ quan cấp phép (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi thương nhân xuất khẩu đặt trụ sở chính để được xác nhận.

2. Căn cứ vào lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm Nhật Bản dành cho Việt Nam như quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này và trên cơ sở ngày tiếp nhận đăng ký xin xác nhận, Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan của thương nhân xuất khẩu được xác nhận theo nguyên tắc thương nhân đăng ký trước được xem xét trước, đăng ký sau được xem xét sau. Đối với lượng mật ong tự nhiên đăng ký xuất khẩu theo hạn ngạch thuế quan vượt quá lượng hạn ngạch còn lại trong năm đó, Ủy

---

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 48/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

ban nhân dân cấp tỉnh xem xét xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan theo số lượng hạn ngạch còn lại.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị xác nhận

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan gồm:

a) Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan;

c) Bản sao C/O Mẫu VJ có đóng dấu xác nhận của Tổ chức xác nhận C/O.

2. Trong trường hợp chưa có Tờ khai hải quan xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan, Bản sao C/O Mẫu VJ, người đề nghị xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan có thể được nợ các chứng từ này nhưng không quá mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày được xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan.

3.[5] Trường hợp doanh nghiệp không nộp các giấy tờ nợ nêu tại khoản 2 điều này, Bộ Công Thương sẽ thông báo và đề nghị Nhật Bản không cấp Chứng nhận hạn ngạch thuế quan cho doanh nghiệp nhập khẩu bên Nhật Bản sau khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 8. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xác nhận

Khi người đề nghị xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan nộp hồ sơ, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và thực hiện một số biện pháp sau:

1. Thông báo bằng giấy biên nhận về việc sẽ xem xét xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan trong trường hợp vẫn còn hạn ngạch theo quy định tại Phụ lục 2. Thời gian xác nhận được quy định cụ thể tại Điều 9 và được ghi cụ thể trên giấy biên nhận;

2. Đề nghị bổ sung chứng từ trong trường hợp thiếu chứng từ theo quy định tại Điều 7. Sau khi người đề nghị xác nhận cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ, cán bộ tiếp nhận sẽ thực hiện biện pháp nêu tại khoản 1 điều này.

3. Từ chối xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan trong trường hợp đã hết hạn ngạch theo quy định tại Phụ lục 2.

Điều 9. Xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan[6]

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 48/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 48/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp không xác nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 10. Xác nhận lại do Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan bị rách, mất, hỏng[7]

Trong trường hợp Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan bị rách, mất, hỏng, thương nhân có thể nộp đơn gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị xác nhận bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan gốc. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận bản sao trên cơ sở chứng từ xuất khẩu được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và bản sao này phải mang dòng chữ "CERTIFIED TRUE COPY" vào ô "REMARK" của Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan. Bản sao này ghi ngày xác nhận của bản Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan gốc. Bản sao chứng thực này được xác nhận trong khoảng thời gian trước ngày hết hạn của Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan gốc.

Điều 11. Trả lại Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan do không thực xuất[8]

Trường hợp thương nhân không sử dụng Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đã đề nghị xác nhận do không thực xuất khẩu lô hàng đã xin Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan hoặc lô hàng sau khi xuất khẩu bị trả về Việt Nam, thương nhân phải trả lại Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đã được xác nhận trước đó cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đó.

Điều 12. Công khai phân bổ hạn ngạch thuế quan trên trang thông tin của Bộ Công Thương

Thông tin về việc phân bổ hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên xuất khẩu sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế sẽ được công khai trên trang thông tin của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.moit.gov.vn

---

ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 48/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 48/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 13. Điều khoản thi hành[9]

---

[9] Điều 37 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

*"**Điều 37. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu thay thế trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục I, các biểu mẫu mới quy định trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục II.

3. Quy định chuyển tiếp

Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

4. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm đ khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

b) Cụm từ "Vụ Khoa học và công nghệ" tại điểm a khoản 4 Điều 11; cụm từ "Sở Công Thương" tại ghi chú số (5) Mẫu 01, ghi chú số (7) Mẫu 02 Phụ lục IV Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

c) Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí;

d) Điều 17 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

đ) Cụm từ "theo đường bưu điện" trong nội dung Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

e) Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

g) Điều 2 Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

h) Phụ lục 11, 12, 13, 14, 15 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

k) Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử;

l) Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;

m) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

n) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

o) Điều 15 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

p) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương."

Điều 2 của Thông tư số 48/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 41 /VBHN-BCT

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Báo Công Thương (để đăng Cổng TTĐT Bộ Công Thương);
- Cục Xuất nhập khẩu (để biết);
- Vụ Pháp chế (để đăng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, PC (02b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025."

PHỤ LỤC 1

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HẠN NGẠCH THUẾ QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế)

AGREEMENT BETWEEN VIETNAM AND
JAPAN FOR AN ECONOMIC PARTNERSHIP

TARIFF RATE QUOTA CERTIFICATE

EXPORTER FULL LEGAL NAME AND ADDRESS	CERTIFICATE NUMBER

IMPORTER FULL LEGAL NAME AND ADDRESS	DESCRIPTION OF GOODS

REMARKS

HS TARIFF CLASSIFICATION NUMBER	QUANTITY OF GOODS	MEASUREMENT UNIT

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

ISSUED IN	STAMP

VALID	
FROM	UNTIL

SIGNATURE OF AUTHORITY

THIS CERTIFICATE IS NOT VALID IF EXHIBITS ERASURES, DELETIONS, CROSSING OUT OR ANY SIGN OF ALTERATION

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

PHỤ LỤC 2

HẠN NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU MẬT ONG TỰ NHIÊN SANG NHẬT BẢN THEO HIỆP ĐỊNH VJEPA THEO CÁC NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế)

Năm thứ	**Khoảng thời gian áp dụng hạn ngạch**	**Số lượng (tấn)**
Năm thứ nhất	01/10/2009 – 31/3/2010	100
Năm thứ hai	01/4/2010 – 31/3/2011	105
Năm thứ ba	01/4/2011 – 31/3/2012	110
Năm thứ tư	01/4/2012 – 31/3/2013	115
Năm thứ năm	01/4/2013 – 31/3/2014	120
Năm thứ sáu	01/4/2014 – 31/3/2015	125
Năm thứ bảy	01/4/2015 – 31/3/2016	130
Năm thứ tám	01/4/2016 – 31/3/2017	135
Năm thứ chín	01/4/2017 – 31/3/2018	140
Năm thứ mười	01/4/2018 – 31/3/2019	145
Năm thứ mười một trở đi	01/4/2019 – 31/3/2020	150

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục 3[10]

(Thay thế Phụ lục 3 Thông tư 28/2009/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: V/v đăng ký hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản theo Hiệp định VJEPA	*...., ngày ... tháng ... năm ....*

Kính gửi: Cơ quan cấp phép tỉnh/thành phố …

Căn cứ Thông tư số …….. ngày …….. của Bộ Công Thương

Thương nhân (ghi rõ tên tiếng Việt đầy đủ và tên viết tắt):

Giấy đăng ký kinh doanh số:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Địa chỉ giao dịch:

Đề nghị Cơ quan cấp phép xác nhận giấy hạn ngạch thuế quan xuất khẩu đối với mật ong tự nhiên (mã HS 0409.00.00) theo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu vào Nhật Bản cho năm tài khoá của Nhật Bản (*) 20 … với số lượng là: ..... tấn (bằng chữ:).

*Ghi chú: * Năm tài khoá của Nhật Bản bắt đầu từ 01 tháng 4 đến 31 tháng 3 của năm sau đó.*

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT.	**Chức vụ của Người đứng đầu thương nhân** *(Ký tên và đóng dấu)* **Tên Người đứng đầu thương nhân**

[10] Phụ lục 3 đơn đăng ký hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản theo Hiệp định VJEPA ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BCT được thay thế bởi Mẫu số 01 phần IV Phụ lục I các biểu mẫu thay thế trong các thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn